

Bản án số: 44/2020/HS-ST
Ngày 27-8-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Thị Kỳ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mơ và ông Hoàng Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Chí Công – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Thái Lê Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020, đối với các bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1973, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 6, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nguyễn Văn N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nguyễn Văn N; con ông Nguyễn Văn Q và bà Đỗ Thị O; có vợ là Dương Thị D và 02 con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2010); bị bắt tạm giữ từ ngày 18-02-2020 sau đó chuyển tạm giam đến nay - Có mặt.

Trần Văn T, sinh năm 1979, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Bon B, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nguyễn Văn N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nguyễn Văn N; con ông Trần Văn Đ (đã chết) và bà Phạm Thị T; có vợ là Đỗ Thị T2 và 02 con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2006); tiền án: 01, Bản án số 06/2013/HSST ngày 04-02-2013 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xử phạt 05 tháng 01 ngày tù về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành xong phần án phí và hình phạt bổ sung, hiện chưa được xóa án tích; bị bắt tạm giữ từ ngày 18-02-2020 sau đó chuyển tạm giam đến nay - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trịnh Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt;

Anh Phạm Văn Quyền, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt;

Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1980 – Vắng mặt;

Ông Hoàng Văn Cây, sinh năm 1960 – Vắng mặt;

Ông Nguyễn Văn Nhật, sinh năm 1970 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các Trần Văn T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16-02-2020, Nguyễn Văn N liên lạc mua ma túy của Phạm Văn S, sinh năm 1978, trú tại thôn 1, xã T, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, về sử dụng và bán lại cho Trần Văn T 02 lần. Sau đó, Trần Văn T đã bán lại 02 lần cho Trịnh Văn T1, sinh năm 1988, trú tại thôn 3, xã Q, huyện G, tỉnh Đắk Nông và Phạm Văn Quyền, sinh năm 1977, trú tại thôn 3, xã Đ, huyện G, tỉnh Đắk Nông. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 17-02-2020, Trịnh Văn T1 gọi điện thoại cho Trần Văn T để hỏi mua ma túy thì Trần Văn T đồng ý. Sau đó, T1 đi cùng Phạm Văn Quyền đến khu vực đất trống thuộc thôn 6, xã T, huyện Đắk Song, để mua ma túy của Trần Văn T. Lúc này, Quyền đưa cho Trần Văn T số tiền 400.000 đồng, Trần Văn T nói T1 và Q đợi Trần Văn T. Sau đó, Trần Văn T đi đến nhà Nguyễn Văn N tại thôn 6, xã T, huyện S, để mua ma túy, Trần Văn T đưa cho Nguyễn Văn N số tiền 300.000 đồng rồi Nguyễn Văn N đưa cho Trần Văn T 01 gói ma túy. Sau khi mua ma túy, Trần Văn T đi gặp T1 và Q đưa số ma túy vừa mua của Nguyễn Văn N. Q chia cho Trần Văn T một phần nhỏ ma túy để sử dụng. T1 và Q đi nơi khác sử dụng hết số ma túy mua được (BL 63- 66; 77- 80).

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 18-02-2020, Trịnh Văn T1 gọi điện thoại cho Trần Văn T hỏi mua ma túy thì Trần Văn T đồng ý. Sau đó, Trần Văn T hẹn gặp T1 trước cửa nhà anh Nguyễn Văn N tại thôn 6, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông. T1 đưa cho Trần Văn T số tiền 800.000 đồng rồi Trần Văn T điều khiển xe mô tô BKS 48H2- 9328, đi đến nhà anh Nguyễn Văn N để mua 01 gói ma túy với giá 400.000 đồng. Sau đó, T1 gọi điện cho Trần Văn T hỏi mua thêm 01 gói nữa, Trần Văn T lấy thêm số tiền 150.000 đồng cùng với số tiền 400.000 đồng còn lại, tổng số tiền là 550.000 đồng, đưa cho Nguyễn Văn N rồi Nguyễn Văn N đưa cho Trần Văn T 01 gói ma túy. Sau khi mua, Trần Văn T đi về trước cửa nhà anh Nhật để bán ma túy cho T1 thì bị lực lượng Công an tỉnh Đắk Nông, bắt quả tang, thu giữ: 01 điện thoại di động Iphone màu trắng; số tiền 239.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Honda màu đen, BKS: 48H2- 9328, số khung: RLHJC4310AY084248, số máy: JC43E1310633; 02 gói giấy màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng được niêm phong trong bì thư ký hiệu số 1A.

Sau đó, cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn N, thu giữ: (BL 48, 56)

- Trong túi áo bên trong phòng ngủ của Nguyễn Văn N 01 gói giấy màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng. Được niêm phong trong bì thư ký hiệu số 1.

- 01 gói giấy dưới chân giường phòng ngủ bên trong có chứa chất bột màu trắng. Được niêm phong trong bì thư ký hiệu số 2.

- 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa tinh thể màu trắng trong phòng ngủ. Được niêm phong trong bì thư ký hiệu số 3.

- 01 gói giấy bạc màu vàng trên tủ lạnh trong phòng bếp, bên trong có chứa chất bột màu trắng. Được niêm phong trong bì thư ký hiệu số 4.

- 07 gói giấy trắng, 01 gói giấy bạc, 01 gói nilon trong gói thuốc hiệu War Horse, ở nhà vệ sinh, bên trong có chứa chất bột màu trắng. Được niêm phong trong bì thư ký hiệu số 5.

- 03 dao lam; 01 cân tiểu ly; 01 ví da màu đen có chứa số tiền 7.450.000 đồng; 01 ví da màu đen trong két sắt và số tiền 15.150.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 điện thoại di động OPPO F7; 01 đầu thu camera màu đen.

Tại bản kết luận giám định số: 26/KLMT-PC09 ngày 24-02-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông, kết luận (BL 54, 55):

- Chất rắn màu trắng đựng trong 02 gói giấy được niêm phong trong bì thư ký hiệu số 1A là ma túy, có tổng khối lượng mẫu là 0,2345 gam, là hêrôin. Hoàn lại sau giám định là 0,1612 gam.

- Chất rắn màu trắng đựng trong 01 gói giấy được niêm phong trong bì thư ký hiệu số 1 là ma túy, có tổng khối lượng mẫu là 0,0705 gam, là hêrôin. Hoàn lại sau giám định là 0,0384 gam.

- Chất rắn màu trắng đựng trong 01 gói giấy bạc màu vàng được niêm phong trong bì thư ký hiệu số 2 là ma túy, có tổng khối lượng mẫu là 0,3751 gam, là hêrôin. Hoàn lại sau giám định là 0,2990 gam.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nilon màu trắng được niêm phong trong bì thư ký hiệu số 3 là ma túy, có tổng khối lượng mẫu là 0,1663 gam, là Methamphetamine. Hoàn lại sau giám định là 0,1006 gam.

- Chất rắn màu trắng đựng trong 01 gói giấy bạc màu vàng được niêm phong trong bì thư ký hiệu số 4 là ma túy, có tổng khối lượng là 0,0170 gam, là hêrôin. Đã sử dụng để giám định hết nên không có hoàn lại sau giám định.

- Chất rắn màu trắng đựng trong 08 gói giấy và 01 gói nilon được niêm phong trong bì thư ký hiệu số 5 là ma túy, có tổng khối lượng mẫu là 0,6997 gam, là hêrôin. Hoàn lại sau giám định là 0,4994 gam.

Cáo trạng số: 39/CT-VKS-ĐS ngày 15 tháng 7 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song truy tố các bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 251; các điểm r, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức hình phạt từ 05 năm 06 tháng đến 07 năm 06 tháng tù.

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 251; các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn T mức hình phạt từ 07 năm đến 09 năm tù.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy 0,998 gam êrôin; 0,1006 gam Methamphetamine; 03 dao lam; 01 cân tiểu ly.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, 01 điện thoại di động Nokia màu đen là điện thoại mà Trần Văn T, Nguyễn Văn N sử dụng liên lạc để mua bán ma túy và số tiền 1.250.000 đồng là số tiền Nguyễn Văn N có được từ việc mua bán trái phép chất ma túy.

Trả lại số tiền 239.000 đồng cho Trần Văn T, trả lại 02 ví da màu đen, 01 điện thoại di động OPPO F7 và số tiền 6.200.000 đồng cho Nguyễn Văn N, là những Trần Văn T sản không dùng vào việc mua bán trái phép chất ma túy.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại 01 xe mô tô hiệu Honda màu đen, BKS: 48H2- 9328 cho chị Đỗ Thị T2 (vợ của Trần Văn T) là chủ sở hữu hợp pháp. Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại số tiền 15.150.000 đồng và 01 đầu thu camera màu đen, hiệu Hikvision, cho chị Dương Thị D (vợ của Nguyễn Văn N) là chủ sở hữu hợp pháp.

Các bị cáo đồng ý với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, không bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các Trần Văn T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đăk Song, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các Trần Văn T liệu, chứng cứ thu thập được có trong

hồ sơ vụ án. Xét thấy, các chứng cứ buộc tội và quan điểm đề nghị xử lý của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: Do ý thức xem thường pháp luật nên ngày 16-02-2020, Nguyễn Văn N đã mua ma túy về bán 02 lần cho Trần Văn T. Sau đó, Trần Văn T đã bán ma túy 02 người là Trịnh Văn T1 và Phạm Văn Q. Khi Trần Văn T đang bán cho Trịnh Văn T1 thì bị lực lượng Công an tỉnh Đắk Nông bắt quả tang thu giữ 0,2345 gam hêrôin. Sau khi khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn N, đã thu giữ 1,1623 gam hêrôin và 0,1663 gam Methamphetamine, cùng các tang vật khác. Do đó, đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

“Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với 02 người trở lên

...”

[3]. Xét hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến nền trật tự trị an tại địa phương nơi các bị cáo cư trú cũng như tình hình chung trong xã hội. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra, cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Tuy nhiên, trong vụ án có 02 bị cáo tham gia với vai trò, tính chất, mức độ khác nhau và có nhân thân khác nhau, nên Hội đồng xét xử cần có sự phân hóa để áp dụng hình phạt tương xứng với từng bị cáo để đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Văn N là người trực tiếp mua ma túy về và phân chia ra các gói nhỏ để bán kiếm lời; do đó, bị cáo Nguyễn Văn N có vai trò lớn hơn so với bị cáo Trần Văn T.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn T phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự khai ra hành vi phạm tội trước đó nên được áp dụng các điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn N có bác ruột là liệt sỹ, bố đẻ được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất,

mẹ đẻ được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì và Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giao dục; Trần Văn T có bố đẻ được Chính quyền địa phương xác nhận có tham gia chống Mỹ cứu nước, được tặng Kỷ niệm chương Hội cựu chiến binh, có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh kinh tế khó khăn; do đó các bị cáo được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội với 01 tình tiết định khung tăng nặng là “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*”, thuộc điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự nhưng ở mức khởi điểm của khung hình phạt (bán 02 lần); bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Văn T phạm tội với 02 tình tiết định khung tăng nặng là “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*”, “*Đối với 02 người trở lên*” thuộc các điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; ngoài ra, bị cáo Trần Văn T phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cần xử phạt bị cáo Trần Văn T mức hình phạt cao hơn so với Nguyễn Văn N. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” lần đầu, ở mức khởi điểm của khung hình phạt (mua, bán 02 lần, bán cho 02 người); bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là thỏa đáng.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Kết quả xác minh các bị cáo không có Trần Văn T sản riêng, có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Đối với đối tượng Phạm Văn S mà Nguyễn Văn N cho rằng đã bán ma túy (Heroin) cho Nguyễn Văn N. Quá trình điều tra, Sơn không thừa nhận việc bán ma túy, cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng không có kết quả nên không có căn cứ giải quyết.

Đối với chất Methamphetamine thu giữ được của Nguyễn Văn N, quá trình điều tra xác định chất ma túy này Nguyễn Văn N mua về sử dụng và chia ra các gói nhỏ để bán kiếm lời nhưng không nhớ cụ thể đã mua của ai, vào ngày nào, nên không điều tra làm rõ được đối tượng đã bán chất ma túy này cho Nguyễn Văn N.

Đối với hành vi sử dụng ma túy của Nguyễn Văn N, Trần Văn T, Trịnh Văn T1, Phạm Văn Q, cơ quan Công an huyện Đắk Song đã ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy mỗi đối tượng số tiền 750.000 đồng.

[7]. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,998 gam hêrôin; 0,1006 gam Methamphetamine; 03 dao lam; 01 cân tiểu ly.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, 01 điện thoại di động Nokia màu đen là điện thoại mà Trần Văn T, Nguyễn Văn N sử dụng liên lạc để mua bán ma túy và số tiền 1.250.000 đồng Nguyễn Văn N có được từ việc mua bán trái phép chất ma túy.

Trả lại số tiền 239.000 đồng cho Trần Văn T, trả lại 02 ví da màu đen, 01 điện thoại di động OPPO F7 và số tiền 6.200.000 đồng cho Nguyễn Văn N, là những Trần Văn T sản không dùng vào việc mua bán trái phép chất ma túy.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại 01 xe mô tô hiệu Honda màu đen, BKS: 48H2- 9328 cho chị Đỗ Thị T2 (vợ của Trần Văn T) là chủ sở hữu hợp pháp. Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại số tiền 15.150.000 đồng và 01 đầu thu camera màu đen, hiệu Hikvision, cho chị Dương Thị D (vợ của Nguyễn Văn N) là chủ sở hữu hợp pháp.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 điều 251; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 (Sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 18-02-2020.

Căn cứ các điểm b, c khoản 2 điều 251; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 07 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 18-02-2020.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,998gam hêrôin; 0,1006gam Methamphetamine; 03 (Ba) dao lam; 01 (Một) cân tiểu ly.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động Iphone màu trắng, 01 (Một) điện thoại di động Nokia màu đen là điện thoại mà Trần Văn T, Nguyễn Văn N sử dụng liên lạc để mua bán ma túy và số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) Nguyễn Văn N có được từ việc mua bán trái phép chất ma túy.

Trả lại số tiền 239.000đ (Hai trăm ba mươi chín nghìn đồng) cho Trần Văn T, trả lại 02 (Hai) ví da màu đen, 01 (Một) điện thoại di động OPPO F7 và số tiền

6.200.000đ (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng) cho Nguyễn Văn N, là những Trần Văn T sản không dùng vào việc mua bán trái phép chất ma túy.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại 01 (Một) xe mô tô hiệu Honda màu đen, Biển kiểm soát: 48H2- 9328 cho chị Đỗ Thị T2 (vợ của Trần Văn T) là chủ sở hữu hợp pháp. Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại số tiền 15.150.000đ (Mười lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) và 01 (Một) đầu thu camera màu đen, hiệu Hikvision, cho chị Dương Thị D (vợ của Nguyễn Văn N) là chủ sở hữu hợp pháp.

(Các vật chứng có đặc điểm như trong biên bản thu giữ vật chứng, biên bản giao nhận vật chứng ngày 04-8-2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Song với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23; Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Công an huyện Đắk Song;
- Chi cục THA DS huyện Đắk Song;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HSVA, TANDH. Đắk Song.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Thị Kỳ